

**CÔNG KHAI THÔNG TIN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2023
SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
I	KHỐI NGÀNH III				
I.1	Ngành Kế toán				
1	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH giải pháp công nghệ TK Việt Nam	Hoàng Thị Mai	TS. Hoàng Đình Hương	Đề tài đã trình bày cơ sở lý luận về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp; Thực trạng Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH giải pháp công nghệ TK Việt Nam; Từ đó đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH giải pháp công nghệ TK Việt Nam.
II	KHỐI NGÀNH IV				
II.1	Ngành Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững				
1	Đại học chính quy	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân làng hoa Nhật Tân quận Tây Hồ thành phố Hà Nội.	Đinh Gia Tú	Bùi Thị Phương Thùy	<ul style="list-style-type: none">- Nghiên cứu và đánh giá sinh kế của các hộ gia đình tại Làng hoa Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội- Nghiên cứu cơ sở lý luận về làng nghề, phát triển bền vững làng nghề, lịch sử hình thành và phát triển nghề trồng hoa, cây cảnh, các nghiên cứu về làng nghề liên quan đến đề tài.- Khảo sát thực trạng hoạt động trồng hoa và sinh kế của người dân làng hoa Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội.- Đề xuất một số giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân làng hoa Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội.
2	Đại học chính quy	Nghiên cứu nhận thức và hoạt động bảo vệ, sử dụng bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học của cộng đồng dân cư huyện Sơn	Vũ Thực Anh	Trần Thị Mai Phương	<ul style="list-style-type: none">- Tổng quan các vấn đề liên quan đến nhận thức và hoạt động bảo vệ, sử dụng bền vững tài nguyên rừng và bảo tồn đa dạng sinh học của cộng đồng dân cư.- Nghiên cứu nhận thức của cộng đồng dân cư huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang về bảo vệ tài nguyên rừng, sử dụng bền vững tài nguyên rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Dương, tỉnh Tuyên Quang			<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiện trạng hoạt động bảo vệ và sử dụng tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học của cộng đồng dân cư huyện Sơn Dương. - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học tại huyện Sơn Dương.
3	Đại học chính quy	Đánh giá khả năng chống chịu thiên tai - khí hậu của hoạt động sản xuất nông nghiệp tại xã Quỳnh Bảng huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An.	Lê Thị Hoài	Nguyễn Ngọc Ánh	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng các loại hình thiên tai – khí hậu xảy ra trên địa bàn xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An - Đánh giá khả năng chống chịu thiên tai - khí hậu của hoạt động sản xuất nông nghiệp tại xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An - Đề xuất một số giải pháp tăng cường khả năng chống chịu thiên tai - khí hậu của hoạt động sản xuất nông nghiệp tại xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
II.2	Ngành Khoa học đất				
1	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Nguyễn Chí Đức Tài	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Đã đánh giá được về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; tình hình quản lý Nhà nước về đất đai và hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu. Từ đó, đã đề xuất được một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn.
II.3	Ngành Khí tượng và Khí hậu học				
1	Đại học chính quy	Nghiên cứu về hiện tượng rét đậm rét hại tại khu vực Tây Bắc trong năm 1990-2020	Nguyễn Quang Huy	ThS. Trần Chấn Nam	Nghiên cứu hiện tượng rét hại rét đậm tại khu vực Tây Bắc trong thời kì 1990-2020. Khóa luận đã mô tả được các đặc điểm về hiện tượng rét đậm rét hại trên khu vực Tây bắc trong giai đoạn nghiên cứu. Cụ thể đã thu thập số liệu nhiệt độ trung bình tại 11 trạm khí tượng trên khu vực, tính toán số ngày rét đậm và rét hại trên khu vực trong giai đoạn 1990-2020 cùng với đó là xu thế thay đổi số ngày rét đậm rét hại trên khu vực bằng phương pháp thống kê.
2	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của ENSO đến lượng mưa ở khu vực Đà Nẵng	Nguyễn Đức Hưng	TS. Nguyễn Bình Phong	Nghiên cứu ảnh hưởng của ENSO đến lượng mưa ở khu vực Đà Nẵng trong giai đoạn từ năm 1980 – 2010. Khóa luận dựa trên chuỗi số liệu lượng mưa trung bình các tháng từ năm 1980 – 2010 của TP. Đà Nẵng, sau đó phân tích xem trong 30 đầy TP. Đà Nẵng đã

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>phải chịu bao nhiêu đợt ENSO, rồi so sánh những năm có hiện tượng ENSO với năm không có hiện tượng ENSO thì lượng mưa có thay đổi như nào. Tại TP. Đà Nẵng lượng mưa nhiều chủ yếu các tháng mùa mưa (tháng 9-12) có tháng 10/1995, 11/1999, 10/2007, 9/2009... lượng mưa trung bình trên 1000mm. Trong khóa luận này em đã chỉ ra trong 30 năm từ 1980 – 2010 TP. Đà Nẵng đã phải chịu ảnh hưởng của 9 đợt El Nino và 8 đợt La Nina. Trong 9 đợt El Nino có những đợt El Nino diễn ra trong mùa mưa nên đã làm cho lượng các đợt El Nino đấy cao hơn bình thường. Các đợt La Nina đều mang cho thành phố Đà Nẵng một lượng mưa lớn so với trung bình nhiều năm, đặc biệt là đợt La Nina 1998 – 2001 kéo dài 32 tháng, mưa lớn kéo dài đã xảy ra trận lũ lụt lịch sử vào năm 1999 làm ngập 10 tỉnh thành miền Trung, gây thiệt hại nghiêm trọng. Như vậy, có thể thấy sự thay đổi mang tính chất thất thường của yếu tố lượng mưa trong những năm ENSO, phản ánh được sự khắc nghiệt về thời tiết tác động ngày càng mạnh mẽ và rõ rệt đến TP Đà Nẵng nói riêng và nước ta nói chung.</p>
3	Đại học chính quy	Phân tích đặc điểm mưa và hình thể thời tiết gây mưa lớn ở tỉnh Hà Giang trong những năm gần đây	Nguyễn Vân Anh	Th.S Phạm Minh Tiến	<p>Bằng việc sử dụng phương pháp thống kê kết hợp sử dụng số liệu quan trắc lượng mưa ngày và số liệu tái phân tích trong thời kỳ 1991-2021 khóa luận nhận thấy hình thể dẫy mưa lớn ở Hà Giang là kết quả của nhiều hệ thống thời tiết kết hợp với nhau.</p> <p>Mặt khác từ số liệu quan trắc mưa mưa, khóa luận thấy rằng trong 31 năm nghiên cứu (Số đợt mưa trên địa bàn tỉnh Hà Giang đều đạt tiêu chí mưa lớn theo quyết định số 03/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định dự báo cảnh báo và truyền tin thiên tai với hơn ½ tổng số trạm trong trên địa bàn tỉnh đạt tiêu chí này. Điều đó cho thấy ngoài hình thể gây mưa ra thì yếu tố địa hình cũng là một trong những nhân tố quan trọng gây ra mưa lớn trên khu vực này. Có thể thấy rằng Hà Giang là một trong những tỉnh là trung tâm mưa thuộc khu vực Bắc Bộ, tuy nhiên</p>

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>mưa lớn không diễn ra trên toàn tỉnh mà tập trung chủ yếu tại Bắc Quang. Qua phân tích số liệu mưa lớn của 31 năm, không có 1 đợt mưa nào mà cả 4 điểm trạm của Hà Giang cũng có mưa to hoặc mưa rất to, chỉ có tối đa 3/4 trạm có mưa to, các trạm còn lại chỉ có mưa vừa. Điều đó cho thấy có sự phân hóa mưa rất lớn ở Hà Giang, sự phân hóa này có nguyên nhân do tác động của điều kiện địa hình đến phân bố mưa, nhất là mưa lớn.</p>
II.4	Ngành Thủy văn học				
1	Đại học chính quy	Đánh giá tác động của BĐKH đến nhu cầu nước của vùng đồng bằng sông Hồng.	Lê Thị Hòa	TS. Trương Văn Anh	<p>Nghiên cứu đánh giá hiện trạng nhu cầu nước vùng Đồng Bằng sông Hồng cho 3 ngành chính bao gồm: Dân sinh, công nghiệp, Nông nghiệp và Thủy sản cho 3 giai đoạn: hiện trạng (2020), 2030 và 2050 đã đạt được những kết quả như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân vùng tính toán nhu cầu nước trên đồng bằng sông Hồng thành 13 phân khu thủy lợi. - Thông qua các Tiêu chuẩn Việt Nam và Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam để tính nhu cầu nước cho các ngành: dân sinh, thủy sản và công nghiệp. - Áp dụng mô hình CROPWAT của FAO sử dụng bộ dữ liệu khí tượng từ năm 2016 - 2020 để tính toán nhu cầu sử dụng nước cho các cây trồng chính trên Đồng bằng sông Hồng như cây lúa, ngô, khoai, sắn, mía, - Từ kết quả tính toán có thể thấy rằng: Tổng nhu cầu nước cho các ngành chính trên đồng bằng sông Hồng thì ta có thể thấy nông nghiệp có nhu cầu sử dụng nước cao nhất, thứ hai là thủy sản, và cuối cùng là sinh hoạt. +So sánh kết quả của các mốc 2030, 2050 và 2090 cho thấy nhu cầu sử dụng nước tăng theo thời gian, và tăng mạnh vào năm 2090. +So với nhu cầu nước, tài nguyên nước trên đồng bằng sông Hồng còn khả năng đáp ứng trước mắt và lâu dài nhưng lại rất biến động theo không gian và thời gian, thậm chí có thể bị giảm do biến đổi khí hậu và nếu nhu cầu nước thượng lưu của lưu vực sông Hồng tăng lên thì việc thiếu nước ở đồng bằng sông

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>Hồng là điều không thể tránh khỏi.</p> <p>- Với nhu cầu dùng nước của các ngành ngày càng tăng lên trên đồng bằng sông Hồng, các nhà quy hoạch cần có những chiến lược, giải pháp cụ thể để có thể đảm bảo được mức tối thiểu cho các ngành dùng nước, tránh mâu thuẫn về nhu cầu dùng nước của mỗi ngành cũng như đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội trên khu vực một cách bền vững.</p> <p>- Việc tính toán nhu cầu sử dụng nước cho các ngành góp phần nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước về tài nguyên nước, hướng tới quản lý bền vững phát triển kinh tế xã hội. Kết quả cũng có thể làm đầu vào cho hướng nghiên cứu tiếp theo cho bài toán cân bằng nước trên vùng Đồng Bằng sông Hồng.</p>
2	Đại học chính quy	Xây dựng bản đồ nguy cơ lũ quét lưu vực sông Cả	Đinh Nguyên Thảo	ThS. Nguyễn Tiên Quang	<p>Lưu vực sông Cả phổ biến của các trận mưa lớn đó là xảy ra do ảnh hưởng bởi hoàn lưu của áp thấp, bão nhiệt đới. Thêm vào đó, khu vực nghiên cứu với địa hình núi cao, có độ dốc sông suối lớn, thời gian tập trung dòng chảy nhanh nên luôn tiềm ẩn nguy cơ lũ, lũ quét. Dựa trên kết quả nghiên cứu nguy cơ lũ quét bằng phương pháp phân tích đa tiêu chuẩn và phương pháp xếp hạng với sự trợ giúp tích hợp của các công cụ GIS đã đưa ra bản đồ phân vùng nguy cơ lũ quét cho lưu vực sông Cả. Bước đầu tiên trong việc xây dựng bản đồ nguy cơ lũ quét là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lũ quét trên cơ sở phân tích các nghiên cứu hiện có và hiểu biết. Nghiên cứu này sử dụng bộ các yếu tố liên quan chủ yếu đến thủy văn và đặc điểm địa lý của khu vực nghiên cứu để có thể đo lường và đánh giá, từ đó xây dựng bản đồ nguy cơ lũ quét. Các yếu tố ảnh hưởng được sử dụng trong nghiên cứu là: Độ dốc; Lượng mưa ngày lớn nhất; Khả năng phòng hộ; Mô đun dòng chảy; Nguy cơ xói mòn. Kết quả xây dựng bản đồ nguy cơ lũ quét cho thấy các huyện có nguy cơ lũ quét cao nhất như Kỳ Sơn, Tương Dương, tiếp đó là các huyện Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp.</p>
III	KHỐI NGÀNH V				

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
III.1 Ngành Kỹ thuật Trắc địa – bản đồ					
1	Đại học chính quy	Ứng dụng viễn thám và GIS thành lập bản đồ hiện trạng lớp phủ mặt đất năm 2021 khu vực huyện Ba Vì thành phố Hà Nội	Nông Thị Thái	ThS. Quách Thị Chúc	nội dung khóa luận ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS thành lập bản đồ hiện trạng lớp phủ mặt đất năm 2012 của huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. sử dụng phần mềm ENVI và arcGIS để biên tập, thành lập bản đồ, sử dụng ảnh landsat LC08 từ google earth pro để thực hiện nội dung khóa luận.
2	Đại học chính quy	Ứng dụng ảnh vệ tinh Landsat 7 ETM+ nghiên cứu nhiệt độ bề mặt khu vực tỉnh Nam Định năm 2022	Nguyễn Văn Hà	ThS. Trần Thị Ngoan	Khóa luận nghiên cứu, phân tích đặc điểm tư liệu ảnh hồng ngoại nhiệt Landsat; nghiên cứu phương pháp chiết tách thông tin nhiệt độ bề mặt từ tư liệu ảnh vệ tinh Landsat. Từ dữ liệu ảnh Landsat thành lập được Bản đồ nhiệt độ bề mặt tỉ lệ 1:200.000 khu vực tỉnh Nam Định; Ảnh hồng ngoại nhiệt Landsat với độ phân giải không gian trung bình có thể sử dụng hiệu quả trong nghiên cứu sự phân bố nhiệt độ bề mặt các thành phố ở Việt Nam. Phần mềm ENVI và ARCGIS với ưu điểm đơn giản, dễ sử dụng có thể xác định nhiệt độ từ tư liệu ảnh Landsat một cách nhanh chóng, hiệu quả với độ chính xác đảm bảo và thời gian tính toán tương đối nhanh cho phép cập nhật nhanh chóng diễn biến nhiệt độ bề mặt.
III.2 Ngành Kỹ thuật địa chất					
1	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng một số di sản hang động khu vực công viên địa chất Non nước Cao Bằng	Phạm Văn Quân	TS. Trần Thị Hồng Minh ThS. Lê Trung Kiên	Công viên địa chất Toàn cầu Non nước Cao Bằng có diện tích hơn 3.275 km ² . Các hóa thạch, trầm tích biển, đá núi lửa, khoáng sản..., đặc biệt là các cảnh quan đá vôi, là những minh chứng tuyệt vời cho sự tiến hóa và thay đổi của trái đất, đã phát hiện, đánh giá và đề xuất xếp hạng trên 130 điểm di sản địa chất độc đáo với các dạng địa hình, cảnh quan đá vôi phong phú, đa dạng như các tháp đá, nón, thung lũng, hang động, hệ thống sông hồ, hang ngầm... đây còn có rất nhiều kiểu loại di sản địa chất khác như hóa thạch cổ sinh, ranh giới giữa các phân vị địa chất, đứt gãy, các loại hình khoáng sản hình thành ở vùng đất này Khảo sát, nghiên cứu tổng hợp các tài liệu về các di sản hang động ở Việt Nam, đặc biệt là Các hang động công viên địa chất Non nước

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>Cao Bằng gồm: hang Pác Bó huyện Hà Quảng, toạ độ: 22° 58' 52.75" N, 106° 2' 59.21" E, Hang Pac Bó được thành tạo do quá trình rửa lũa và xói mòn, hang chủ yếu có nhiều cột đá vừa và nhỏ, ít cột đá lớn, hệ thống nhũ đá phát triển mạnh, có nhiều trầm tích dòng chảy. Đa số nhũ đá, cột đá đều bị phủ một lớp rêu hoặc bụi màu nâu xám, Hang có chứa các kiểu trầm tích hang động thứ cấp như: nhũ đá, cột đá, đá dòng chảy được thành tạo tại các vị trí mà chúng không dễ bị tác động hoặc phá hoại bởi bất kỳ yếu tố sinh học. Động Ngườm Ngao huyện Trùng Khánh do quá trình rửa lũa và hó sụt karst, hang động có rất nhiều cột đá lớn, nhũ đá phát triển. Hang động chứa các kiểu trầm tích như măng đá, nhũ đá, cột đá, đá dòng chảy và đập gờ đá được thành tạo tại các vị trí mà chúng không dễ bị tác động, Động Ngườm Ngao do quá trình rửa lũa và hó sụt karst, hang động có rất nhiều cột đá lớn, nhũ đá phát triển. Trầm tích trong hang đa dạng, hình dạng các trầm tích vô cùng phong phú. Đa số nhũ đá, cột đá và các loại trầm tích khác đều bị phủ một lớp rêu hoặc bụi màu nâu xám. Hang Ngườm Bốc huyện Hoà An xác định bởi toạ độ <i>Toạ độ</i>: 22° 50' 43.18" N, 106° 42' 22.21" E Phát triển trong đá vôi, hình thành trong điều kiện biển nông và ấm. Ở cửa hang còn thấy rõ dấu vết của thềm và dòng chảy cổ, chứng tỏ đã bị nâng lên trong giai đoạn tân kiến tạo. hang Ngườm Bốc thuộc loại hang hoạt động, hang phục vụ du lịch địa chất, Hang thuộc loại B, có chứa các kiểu trầm tích hang động thứ cấp như nhũ đá, cột đá, đá dòng chảy và đập gờ đã được thành tạo tại các vị trí mà chúng không dễ bị tác động hoặc phá hoại bởi bất kỳ yếu tố sinh học hoặc yếu tố nào do con người gây nên. Sử dụng phương pháp thu thập, phân tích, tổng hợp tài liệu, Phương pháp khảo sát thực tế tại thực địa. Phương pháp chuyên gia. Dựa theo tiêu chí phân loại hang động. Phương pháp đánh giá tiềm năng du lịch địa chất loại hình hang động. Đề xuất phương án khai thác, bảo tồn tăng cường khai thác để tăng lượng khách du lịch, làm tốt công tác bảo tồn để giữ được vẻ đẹp nguyên thủy của hang động.</p>

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Đẩy mạnh tuyên truyền bằng truyền thông đến đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh cũng như du khách quốc tế.